

## **ĐOẠN KẾT**

Cậu Năm mất lúc 1 giờ 11 phút, sáng Chủ nhật, ngày 18 tháng 1 năm 2009.

Con của cậu, cha Tân, đã làm lễ cầu hồn tại nhà ba má tôi. Ba má tôi và di Bầy thay nhau đọc lời thương tiếc cậu trước mặt đại gia đình, và ai cũng sụt sùi khóc.

Đến thứ hai, chúng tôi dự lễ an táng cậu Năm tại nhà thờ thánh Phan-xi-cô đệ Sa-lê. Cha Tân và cha Huy cùng đồng tế và anh Quốc đã đọc một bài điệu thật cảm động. Sau đó, mọi người lục tục ra về bằng máy bay hoặc đi xe. Anh Quốc thì vẫn ở lại Houston với cô Lisa.

Thứ năm, ngày 22 tháng 1, vào lúc mười giờ rưỡi sáng, khi anh Quốc bước lên bầm chiếc nút đỏ của lò thiêu xác để hỏa táng xác cậu Năm, bước tận cùng ấy của cái chết đã làm má tôi rúng động. Bà khóc lóc thảm thiết, toàn thân bà run lên, nhưng bà vẫn cố ghì lại tấm thân xiêu vẹo. Bà ngấp ngoái như không còn hơi để thở, như tim bà sắp ngừng đập, và như cảm thấy chính thân xác bà đang bị nướng bằng ngọn lửa đang thiêu đốt xác cậu Năm trên giàn hỏa táng.

Khuôn mặt bà nhòa nhẹt những thống khổ và nước mắt bà tuôn xuống như mưa bác. Bà lâm râm nói đi nói lại một câu, “*Lạy Chúa tôi, lạy Chúa tôi*”.

Trông bà thật mỏng manh, yếu đuối và bơ vơ. Tôi quàng tay quanh má tôi để giữ cho bà đừng ngã, để rồi sau đó tự hỏi mình đang đỡ ai đây. Giữa má tôi và tôi, ai mới là người cần được đỡ cho khỏi ngã?

Trong thời gian từ lúc cậu Năm nằm bệnh viện cho đến khi cậu qua đời, tôi thấy nước mắt bà rơi xuống nhiều hơn tất cả những lần bà đã khóc trước đây cộng lại mà đời tôi từng chứng kiến. Nhưng sáng nay, tiếng khóc ấy nghe sao mà khang khác. Ba mươi bốn năm sống tha hương với những phong tục và ngôn ngữ xa lạ, đã làm cho má tôi già nua như trở thành một con người khác. Một người từng thành công rực rỡ trên thương trường nay bỗng hóa kiếp thành một bà già lạc lõng, vẫn lúng

túng về cách phải sống sao cho thích hợp trong một môi trường tuy dễ dàng mà lại nhiều trắc trở như nền văn hóa mới này.

Còn đâu cuộc sống quen thuộc năm nào, mất rồi những phong tục xa xưa, đến nay thì sự mất mát người anh ruột yêu quý đã làm bà đau đớn cùng cực. Bà thấy thế giới quanh bà đang sụp đổ. Những kỳ vọng và ước đoán của bà nay đã tan biến. Bà nhìn quanh quất và thấy lèo tèo vài người thân thuộc, chỉ đếm được trên mấy đầu ngón tay, đã đến dự nghi lễ tiễn biệt này. Bà cảm thông cho nỗi hiu quạnh của một người anh chỉ hơi lớn tuổi hơn bà một chút. Bà thấy nóng ran vì nhiệt nằng phát ra từ thứ máy móc cơ giới, gọi là giàn hỏa thiêu này, và biết rằng rồi đây cậu Năm cũng sẽ không có đến một nắm mồ cho bà lui tới thăm viếng. Bà khóc nức nở.

Bà nhớ vô cùng những người chị bà còn ở Việt Nam và không biết họ sẽ phản ứng ra sao khi được tin cậu Năm đã khuất núi? Họ có còn nhớ chăng những kỷ niệm êm đềm xa xưa với đứa em trai duy nhất của họ? Họ có đề cao cuộc đời và những gì cậu đã làm được ở đất Mỹ hay không? Và không biết họ có thấu hiểu những hy sinh mà cậu đã chịu đựng để nuôi con cái cậu lớn khôn ở xứ sở này? Thêm một tiếng nấc nã nê.

Bà băn khoăn nghĩ đến những đứa con của cậu Năm, không biết chúng có thường nhớ đến ba của chúng không. Về sau, chúng có tổ chức lễ giỗ để tưởng nhớ và đọc kinh cầu nguyện cho ba chúng hàng năm theo lễ giáo Việt Nam hay không? Hay rồi cuộc sống bon chen ở Mỹ sẽ khiến chúng không có đến một thoáng chốc để hồi tưởng đến ông? Bà lại ghen ngào rơi lệ.

Bà khóc vì xót thương cậu Năm, nhưng cũng có thể vì xót xa cho thân phận của chính mình. Những giọt lệ ấy có khi vì nỗi tiếc quá khứ của bà ở Việt Nam, thương nhớ những ngày xa xưa được lớn lên trên một quê hương toàn những bạn bè và thân quyến, nhớ da diết giọng nói và phong tục nơi quê cha đất tổ, và cũng có lẽ vì luyện tiếc cho dĩ vãng vàng son của mình năm nào. Chỉ có má tôi mới biết chắc chắn nguyên nhân nào

đã làm bà khóc, nhưng không hiểu vì sao tôi vẫn cảm nhận nơi bà sự tủi thân của một tâm hồn cô lẻ.

Rồi nhiệt độ trên giàn hỏa thiêu đã lên đến 1,800 độ F, má tôi ngồi sững sờ, mắt trân trân nhìn vào một chôn xa xôi vời vợi nào đó đằng trước. Nước mắt bà tuôn lá chả. Trông bà như già thêm mười tuổi đời chỉ trong vòng mười ngày qua. Đôi mắt bà trũng sâu trên khuôn mặt nhợt nhạt và cặp kính mát không che nổi những vết quầng thâm bên dưới. Mái đầu không chải của bà toàn tóc bạc. Tay bà lạnh ngắt và run rẩy. Bà đang đứng giữa những người thân trong gia đình, nhưng lại thấy sao mình hiu quạnh. Tôi đứng cạnh bà và cũng thấy lòng mình đang nức nở.

Cuối cùng, má tôi chỗi dậy bằng cả sự cố gắng để nói lên lời cảm tạ với từng người khách tham dự buổi lễ, lúc họ đến gặp bà để ngỏ lời phân ưu. Bà đã lấy lại được thăng bằng và sự điềm tĩnh. Rồi, anh Quốc đã có một quyết định tuyệt vời. Anh trao cho má tôi tấm ảnh có đóng khung của cậu Năm. Má tôi nhận lấy và trịnh trọng ôm vào lòng. Trong một thoáng thật nhanh, tôi thấy mắt bà lóe lên vẻ triu mến sâu xa. Hình như người anh yêu quý của bà vẫn còn đâu đó.

Sau nghi lễ hỏa táng, tôi thả bộ đi cùng với ba má tôi ra xe của ông bà. Má tôi vẫn còn rên siết với nỗi niềm thương tiếc. Ba tôi vừa mở cửa xe cho bà, vừa quay qua tôi và nói, "*Cám ơn nhe Vui. Thôi con về đi làm đi.*". Vai ông khum thấp xuống và đôi mắt vẫn hoen đỏ, nhưng ông vẫn cố ra vẻ bình thường. Ba tôi, người hùng muôn thuở trong chiến tranh lẫn hòa bình, nay trông thật hiền hòa như sương khói.

Khi tôi quẹo xe qua bên phải để rẽ xuống đường Gessner và xe ba má tôi đã khuất đi trên chiếc kiếng chiếu hậu, nước mắt tôi bỗng trào ra. Thế hệ của họ đang lụi tàn. Con cái và cháu chắt họ, có còn ai nhớ đến họ và những hy sinh của họ chẳng?

Anh Bé đã đem tro của cậu Năm về cố hương ở Việt Nam, nơi sẵn có dì Hai, dì Ba và dì Bốn để nói lời vĩnh biệt với đứa em trai của họ. Ngày 9 tháng 2, các dì đã đem tro của cậu lên đặt ở

bức tường kính nhớ người quá vãng trong Nhà Thờ Chợ Mới, như cậu Năm đã dặn dò.

Trong một thời gian khá lâu, tôi thường không để ý đến Chiến Tranh Việt Nam, nơi mà chính ba tôi đã từng vào sanh ra tử để bảo vệ tổ quốc. Chúng tôi sống ở Sài Gòn trong cảnh tương đối thanh bình, nơi ngay cả người dân thành phố cũng chẳng quan tâm gì đến những thực tại tàn khốc của cuộc chiến. Hơn nữa, đời sống tu hành đã dạy tôi phải xa lánh những đấu tranh của thế tục và chỉ chú tâm về cuộc sống hòa bình, tín thác và tình thương. Giáo huấn lý tưởng về cách giải quyết những tranh chấp qua những thảo luận và đạt được giải pháp một cách hoà bình là những gì tôi đã học được. Ngay cả lúc chiến tranh đã kết thúc và cả gia đình tôi đã sang Mỹ định cư, tôi vẫn không thể hiểu nổi chuyện gì đã xảy ra cho quê hương năm nào của tôi và đâu là nguyên cớ đã làm ba tôi phải căm thù sâu xa bọn cộng sản như bây giờ.

Viết lên cuốn sách này, tôi vẫn tự hỏi tại sao tôi viết nó và viết để cho ai. Trong khi suy niệm, tôi cứ thấy rõ mòn một trước mắt hình ảnh má tôi và dì Bảy nắm tay dìu dắt nhau, với ba tôi lê bước theo sau trên đường đến thăm cậu Năm ở phòng tuyệt mệnh. Tôi thoáng thốt nhận ra rằng thế hệ rồi sẽ qua đi này, vẫn còn nhiều điều đáng kể.

...

Chiến tranh Việt Nam đã không có người thắng. Những kẻ tuy bại trận thê thảm nhưng rút cuộc lại là người chiến thắng chính là thế hệ người Việt tha hương bị lãng quên này, quen gọi là *Việt kiều*.

Ba tôi và những người sống cùng thế hệ đã từng hy sinh xương máu để gìn giữ miền Nam Việt Nam trước bọn cộng sản xâm lược. Đến khi tàn chiến cuộc, họ phải vứt hết tất cả những gì họ sở hữu, ngay cả bạn bè, thân nhân quyến thuộc và cả quê cha đất tổ, để đem con cái họ đến những bên bờ tự do. Một khi đã đến Mỹ, họ tự hạ mình đi làm bất kỳ việc gì có thể làm

được, mặc cho bao trắc trở, ngõ hầu con cái họ được đến trường và có cơ hội tranh đua với đời, ngay trên đất nước này.

Trong lúc bè lũ cộng sản Việt Nam viết lại lịch sử theo luận điệu của chúng, lòng can đảm và những gương anh hùng của nhân dân Miền Nam đã bị chúng cố tình ếm nhem. Và trong lúc người Mỹ vội vã quên đi Chiến Tranh Việt Nam, cả một thế hệ người dân Miền Nam Việt Nam như ba má tôi đã hoàn toàn bị quên lãng. Nhưng cũng nhờ thế hệ ấy mà thế hệ tôi đang sống, những con cháu của họ lớn lên ở đất Mỹ, đã có cơ hội thăng tiến.

Sự ra đi của Cậu Năm đã khiến tất cả mọi người trong đại gia đình chúng tôi về lại với nhau. Chúng tôi đến để nói lên lời tiễn biệt với một trong ba người gia trưởng đã đem chúng tôi đến xứ sở này. Tôi muốn ghi nhớ những hy sinh của thế hệ ấy và tôi cũng muốn con cái, cháu chắt tôi hãy nhớ ơn họ.

Thế hệ lãng quên này có nhiều chuyện đáng kể, và tôi muốn nêu lên chỉ một phần nhỏ những hy sinh của họ.

Đối với tôi, thế hệ bị lãng quên mới chính là những người chiến thắng.

***Nguyên tác: “The Forgotten Generation”***

***Tác giả : Vui Le***

***Chuyển ngữ: Trần Ngọc Hà***